

Bản án số: 52/2018/HS-ST

Ngày: 18/10/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Dân

Bà Nguyễn Thị Canh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thanh Tùng - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Lý Đình Kiêm - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 17 và 18 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 36/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Hồ Đại P, sinh ngày 05/12/1981 tại HY.

ĐKHKTT: Thôn NP, xã HA, huyện KĐ, tỉnh HY; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị H sinh năm 1982 và có 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 24/02/2018 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo P do gia đình bị cáo mời: Ông Vũ Văn L, luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn HL, đoàn luật sư thành phố HN (có mặt ngày 17 vắng mặt ngày 18)

2. Trần Tăng T, sinh ngày 30/11/1987 tại HP.

ĐKHKTT: Thôn LĐ, xã VL, huyện VB, thành phố HP; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Tăng Đ và bà Trương Thị A; chưa có vợ, con; tiền án, 01: Tại bản án hình sự số 52/HSST ngày 20/11/2016 của TAND huyện VB, thành phố HP xử phạt Trần Tăng T 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo ra trại ngày 22/8/2016; tiền sự: Không; nhân thân:

+ Tại bản án hình sự số 51/HSST ngày 23/8/2010 của TAND huyện L N, tỉnh BG xử phạt Trần Tăng T 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 23/02/2004 bị Công an huyện VB, thành phố HP xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, hình thức cảnh cáo.

+ Ngày 15/5/2008 bị Công an huyện VB, thành phố HP xử phạt hành chính 350.000đ về hành vi gây rối trật tự công cộng.

+ Ngày 10/01/2015 bị Công an xã VL, huyện VB, thành phố HP xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, hình thức cảnh cáo.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 30/5/2017 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án yêu cầu, đoàn luật sư chỉ định: Ông Hoàng Thanh Q, luật sư văn phòng luật sư QT đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3. Phạm Văn C, sinh ngày 11/12/1985 tại HP.

ĐKHKTT: Thôn NS2, xã AT, huyện AL, thành phố HP; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Q (đã chết) và bà: Nguyễn Thị M; có vợ là Lương Thị T (đã ly hôn) và có 02 con lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Tại bản án hình sự số 15/HSST ngày 28/8/2008 của TAND huyện An Lão, thành phố HP xử phạt Phạm Văn C 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 29/4/2008 Công an xã AT xử phạt hành chính về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, hình thức phạt cảnh cáo.

+ Ngày 10/12/2014 Công an xã AL, thành phố HP xử phạt 1.500.000đ về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 30/5/2017 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án yêu cầu, đoàn luật sư chỉ định: Ông Nguyễn Văn T luật sư văn phòng luật sư AT, đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

4. Vũ Khánh Tr, sinh ngày 30/12/1992 tại tỉnh TN.

ĐKHKTT: Xóm 14, xã CV, huyện ĐT, tỉnh TN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Phong B và bà: Nguyễn Thị H; có vợ là Dương Thị Nguyệt N và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 28/10/2017 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án yêu cầu, đoàn luật sư chỉ định: Ông Nguyễn Mạnh A luật sư văn phòng luật sư AT, đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt ngày 17 vắng mặt ngày 18).

5. Vũ Văn Ch, sinh ngày 12/6/1995 tại tỉnh Thái Nguyên.

ĐKHKTT: Xóm Đ, xã CN, huyện ĐT, tỉnh TN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 10/12; dân tộc: Sán diu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn C và bà Dương Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 28/10/2017 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án yêu cầu, đoàn luật sư chỉ định: Bà Đinh Thị Thu H luật sư văn phòng luật sư SM, đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

6. Nguyễn Hữu H, sinh ngày 02/9/1994 tại tỉnh TN.

ĐKHKTT: Xóm T2, xã TC, thị xã PY, tỉnh TN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị N; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 15/02/2018 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án yêu cầu, đoàn luật sư chỉ định: Ông Phạm Ngọc K luật sư văn phòng luật sư HV, đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt ngày 17 vắng mặt ngày 18).

7. Hà Lý H1, sinh ngày 06/7/1987 tại tỉnh TN.

ĐKHKTT: Xóm SC3, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn O và bà Nguyễn Thị C; có vợ thứ nhất là Dương Thị N (đã ly hôn); vợ thứ hai là Đào Thị Khánh L và có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 16/03/2018 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo do Tòa án yêu cầu, đoàn luật sư chỉ định: Bà Nhữ Thị M, luật sư văn phòng luật sư TH, đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

*** Người bị hại:**

1. Anh Lương Văn Th, sinh năm 1987(có mặt)
Trú tại: Xóm BL, xã C K, huyện SM, tỉnh SL.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Tăng Đ, sinh năm 1960 (có mặt).

2. Bà Trương Thị A, sinh năm 1960 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Đều trú tại: Thôn LĐ, xã V L, huyện V B, thành phố HP.
3. Bà Nguyễn Thị Mỹ, sinh năm 1958(vắng mặt).
Trú tại: Thôn NS2, xã AT, huyện A L, thành phố H P.
4. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997(vắng mặt).
Trú tại: Xóm BĐ, xã CL, huyện PL, tỉnh TNg.

*** Người làm chứng:**

1. Chị Trần Thị Th tức (Nguyễn Trần Linh C), sinh năm 1987(vắng mặt).
Trú tại: Thôn KT, xã P N, huyện NT, tỉnh T H.
2. Chị Đào Khánh L, sinh năm 1995(vắng mặt).
Trú tại: Xóm CX, xã Q T, thành phố TN, tỉnh TN.
4. Chị Dương Thị M, sinh năm 1992(vắng mặt).
Trú tại: Xóm T3, xã ĐT, huyện PB, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Đại P quen biết từ trước với Nguyễn Tiến T, sinh năm 1983, trú tại Phố VG, thị trấn VG, huyện VG, tỉnh HY; P khai T rủ P đi lên thành phố CB, tỉnh CB để mua ma túy. Đến sáng ngày 23/5/2017, P và T đến thành phố CB cả hai đi thuê nhà nghỉ để nghỉ, khoảng 11 giờ cùng ngày P gọi điện cho Trần Thị T(tên khác là Nguyễn Trần Linh C), sinh năm 1987, trú tại thôn KT, xã PN, huyện NT, tỉnh TH là người quen của P từ trước, thì biết T đang ở thành phố CB nên P rủ T đến phòng nghỉ của P chơi. Tại đây, P nhờ T liên hệ mua 600.000đ tiền ma túy đá để sử dụng. T nhận tiền và gọi điện thoại nhờ một người quen tên thường gọi là B (không rõ lai lịch địa chỉ) đi mua ma túy, sau khi mua được ma túy, T, P, T cùng sử dụng hết số ma túy đá mua được ngay tại phòng nghỉ. Sau đó T và P đặt vấn đề nhờ T mua hộ 80 triệu đồng tiền ma túy đá, T đồng ý nhận tiền của T rồi tiếp tục gọi điện thoại cho đối tượng tên B đến nhà nghỉ cầm tiền đi mua hộ T. Đến trưa ngày 24/5/2017, Thanh vẫn chưa mua được ma túy cho Thành, nên cả bọn đến quán cà phê karaoke Xin chào tại thành phố CB ăn cơm và hát karaoke tại đó. Khoảng 14 giờ cùng ngày, trong khi cả bọn đang hát karaoke thì anh Lương Văn T, sinh năm 1987, trú tại xóm Bản L, xã CK, huyện SM, tỉnh Sơn La (là người quen của T) đến chơi cùng. Tại đây, qua trò chuyện thì T, T, P có nói cho T biết việc T nhờ mua ma túy đá nhưng không mua được. Theo T khai “lúc này anh T có cầm túi xách bên trong có đựng tiền ra khoe và nói với nội dung: Bản thân T có cầm theo tiền nhưng không mua được ma túy vì “đá” không có mà chỉ có “keo” tức là ma túy tổng hợp dạng viên. Nghe anh T nói vậy, P và T thống nhất nhờ T mua hộ ma túy tổng hợp dạng viên bằng số tiền 80 triệu đồng của Thành đã đưa cho T. Sau đó T gọi điện thoại cho B đem số tiền

80 triệu đồng đến đưa cho anh T, anh T cầm tiền và hẹn về Thái Nguyên sẽ giao hàng.

Khoảng 18 giờ cùng ngày 24/5/2017, T đi xe ô tô một mình về trước, anh T có đi nhờ T ra bến xe để đón xe khách đi về Thái Nguyên, trước khi về T rủ T đi về Thái Nguyên cùng T nhưng T nói sẽ về chuyển xe sau và cả hai hẹn gặp nhau tại thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

Do không biết P và T đã đưa tiền cho T nhờ T mua ma túy nên T bảo P chờ để lấy lại tiền. P ở lại ăn cơm tại quán Cà phê karaoke X cùng với T, đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì T bỏ đi nên P đi ra đón xe khách về Thái Nguyên. Trên đường về P bị T trách móc về việc nhờ mua ma túy mà không được, P gọi điện thoại cho T nhưng T không nghe nên P nảy sinh ý định tìm T để đánh và lấy tiền. Do biết T đã về Thái Nguyên và hẹn gặp T tại thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên nên P gọi điện thoại cho Vũ Khánh T, sinh năm 1992, trú tại xóm 14, xã CV, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (là người quen từ trước) mục đích để nhờ T liên hệ tìm T và T. Khoảng 04 giờ sáng ngày 25/5/2017, Phong về đến PY, Tr đón P và đưa về phòng trọ của Tr tại xã NT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây, P nói với Tr là T bị lừa mất số tiền 80 triệu đồng tiền mua ma túy đá, T vẫn cầm tiền và 03 lạng ma túy đá kém chất lượng, tổng cộng thành tiền khoảng hơn 200.000.000đ. Phong bàn bạc và thống nhất với Tr, cùng đi tìm T để đánh dần mất và lấy lại tiền. Tr đồng ý và gọi Vũ Văn Ch, sinh năm 1995, trú tại xóm Đ, xã CN, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên đang ở cùng dãy phòng trọ với T tham gia cùng. Sau khi nghe T nói về nội dung sự việc, Ch nói “Để một mình tao làm cũng được, tao bịt mắt vào là được”. Tuy nhiên, Tr nói do Ch và Tr đều quen biết T nên Tr và Ch thống nhất gọi điện thoại nhờ Phạm Văn Cường, sinh năm 1985, trú tại thôn Nam Sơn 2, xã An Thọ, huyện AL, thành phố HP là người hay đi đòi nợ thuê tham gia. Thời điểm này, C đang thuê phòng 306, nhà K1, Ký túc xá Trường cao đẳng Công nghệ và kinh tế công nghiệp Thái Nguyên thuộc phường CĐ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên cùng ở với Trần Tăng T, sinh năm 1987, trú tại đội 1, thôn LĐ, xã VL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; Dương Thị M, sinh năm 1992, trú tại xóm T3, xã ĐT, huyện PB (là bạn gái của T); Hà Lý H, sinh năm 1987, trú tại xóm SC3, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; Đào Thị Khánh L, sinh năm 1995, trú tại xóm CX, xã QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (là vợ của H); Nguyễn Hữu H, sinh năm 1994, trú tại xóm T2, xã TC, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi Ch, Tr gọi điện trao đổi nội dung sự việc với C thì C đồng ý và rủ T cùng tham gia. Nguyễn Tiến Th gọi điện thoại cho Hồ Đại Ph thì biết P đang ở phòng trọ của Vũ Khánh Tr nên Th đến phòng trọ của Tr. Sau đó Tr và P nhờ T lái xe ô tô đi lên Ký túc xá Trường cao đẳng Công nghệ và kinh tế công nghiệp Thái Nguyên đón C và T về phòng trọ của T để bàn rồi Th đi về.

Tại phòng trọ của Tr, P nói với Tr, Ch, C, T về việc thông qua T, P đưa tiền mua bán ma túy với một người là bạn trai của T nhưng bị lừa mất hơn hai trăm triệu đồng, P cần lấy lại tiền nhưng muốn lấy lại được tiền của người này thì phải tìm T, vì người này đang đi cùng T. Nếu lấy lại được tiền sẽ chia cho T, C, Ch và Tr, cả nhóm đồng ý. Do Tr có quen biết T nên P bảo T liên lạc xem T đang ở đâu. Tr đi ra ngoài nhắn tin qua mạng facebook cho T thì T nói đang hát ở quán karaoke The Voice, thuộc phường ĐT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên và T mời Tr đến hát cùng. Sau khi liên lạc được với T, Tr đi vào thông báo cho P biết, P bảo Tr đi xe taxi đến quán karaoke The Voice trước, xem T hát cùng với ai thì báo về.

Khoảng 06 giờ ngày 25/5/2017, Tr đi đến quán The Voice trước để gặp Th còn Ch, Cường cùng đi một xe máy, T và P đi xe taxi đến sau. Trước khi đi T có đem theo 01 thanh kiếm được gắn vào một đoạn gậy. Khi đi đến cửa quán karaoke The Voice thì cả bọn dừng lại để đợi thông tin của Tr, lúc này C sang xe taxi, ngồi cùng T và P nhưng không thấy Tr liên lạc nên P bảo lái xe đi vào sân của quán thì thấy Tr đang ngồi nói chuyện với anh Lương Văn Th gần quầy lễ tân. Thấy vậy, P chỉ vào anh Th và nói với T “Kia là thằng bạn trai con T và là người cầm tiền. Nghe P nói xong, T và C xuống xe taxi đi vào ngồi gần T, mục đích là để áp sát, không chế anh Th còn P bảo lái xe taxi đưa ra ngoài cổng rồi lấy thanh kiếm của T để trên xe taxi mang ra cài vào ống xả xe máy của Ch rồi P đi về phòng trọ của Tr ngồi chờ. Trong khi nói chuyện với Tr, anh Th mở túi đang đeo trên người ra cho Tr nhìn thấy trong túi có nhiều tiền và nhờ Tr gọi hộ một xe taxi để ra Ngân hàng gửi tiền. Khi xe taxi của hãng YB, lái xe là Dương Văn S, sinh năm 1989, trú tại xóm TV, xã TC, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên, là lái xe taxi biển kiểm soát 30A-372.75 đến, Th đi từ trong quán ra xe, C và T cùng đi theo. Khi ngang qua chỗ dựng xe máy, T rút thanh kiếm gài trên ống xả xe máy rồi ép Th phải vào trong xe ngồi để nói chuyện. Th sợ, ngồi vào giữa ghế sau, C ngồi ép phía bên kia anh Th và đóng cửa xe lại rồi T gọi điện thoại cho P để thông báo và mô tả lại đặc điểm của anh Th cho P biết, P xác định đúng Th là người mà P đang cần tìm nên T bảo anh S lái xe đi về nhà Ký túc xá Trường cao đẳng công nghệ và kinh tế công nghiệp Thái Nguyên. Trên đường đi, anh Th sợ nên vùng dậy, lao người lên hàng ghế trên, định thoát ra ngoài thì bị T và C giữ lại, T cầm chuôi thanh kiếm chọc vào trán anh Th một nhát làm trán Th bị chảy máu và cùng C giữ để Th ngồi ở trong xe. Thấy C và T không chế T đưa ra xe taxi, Ch đi vào hỏi Tr “Sao lại là thằng kia” Tr cười, nháy mắt và nói với Ch “Là nó đấy”, Ch hiểu Th chính là người đang cầm tiền của Ph và là người mà Ph cần tìm để cướp lại tiền rồi Triệu đi về phòng trọ của mình. Khi Tr về đến phòng trọ thì gặp P, P bảo Tr gọi điện cho Ch nội dung là “bảo bọn thằng C, thằng T đưa thằng đó đi xa xa, lấy cái túi tiền về đây, rồi ra quán SD ở gần cầu vượt NT, chia

cho P 100 triệu đồng để P còn về Hà Nội và lấy hộp 5, hộp 10 ma túy đá cho vào túi nó (tức là lấy 5 gam hoặc 10 gam ma túy đá cho vào túi xách anh Th), nếu nó ra Công an báo thì không sợ” đồng thời P dặn Chiến nhắn tin cho C, T xong thì xóa hết tin đi. Sau khi được Tr gọi điện truyền đạt ý kiến của P thì Ch đã gọi điện thoại và nhắn tin ngay cho C thì biết T và C đang ở Ký túc xá Trường cao đẳng Công nghệ và kinh tế công nghiệp Thái Nguyên, C có trả lời với nội dung Ch không phải dạy Cường.

Khoảng 07 giờ cùng ngày, sau khi đưa Th về đến sân Ký túc xá Trường cao đẳng Công nghệ và kinh tế công nghiệp Thái Nguyên, T tiếp tục gọi H và H cầm dao, kiếm xuống sân Ký túc xá để khống chế đưa anh Th lên tầng 3 Ký túc xá. Nghe T gọi thì H cầm 2 con dao, H1 cầm 01 thanh kiếm chạy xuống sân, Tùng nói với cả bọn “Đưa con lợn này lên tầng 3 nói chuyện”. Nghe T nói vậy, H và H1 giơ dao, kiếm lên và nói “Con lợn này lên trên kia”. Do sợ hãi nên anh Th ra khỏi xe taxi đi cùng nhóm của T lên tầng 3 của Ký túc xá, lúc này anh Th vẫn đang khoác trên người chiếc túi xách bên trong có 250 triệu đồng. Tại hành lang tầng 3 của Ký túc xá, H1 cầm dao đứng chặn ở cầu thang lên xuống, còn T giằng chiếc túi trên người anh Th nhưng không được nên H vào tham gia giằng chiếc túi trên của anh Th và đã giằng được. Sau khi giằng được chiếc túi trên, H đưa cho T, T cầm túi ném về chỗ H1 bảo H1 cầm nhưng H1 không cầm nên T tự cầm chiếc túi đi vào phòng 306 (là phòng nhóm của Tùng đang ở) rồi bảo Dương Thị M và Đào Thị Khánh L đi ra ngoài. T mở túi xách vừa lấy được của Th ra thấy bên trong có 03 tập tiền, T lấy cả 03 tập tiền, cất vào túi xách của M đang để trong phòng rồi cầm chiếc túi xách của anh Th ra ngoài đưa cho H cầm. Sau đó, T cùng C, H và H1 đưa Th xuống xe taxi ép anh Th ngồi ở giữa C và T tại ghế sau, H, H1 vào ngồi ở ghế phụ. Do thấy xe chật nên T bảo H1 xuống xe đồng thời bảo anh S lái xe đi về hướng thị xã PY. Khi đi đến gần ngã ba PC, T xuống xe gọi điện thoại cho P, báo cho P biết là đã lấy được 150 triệu đồng, P bảo T cứ cầm lấy tiền. T cùng với C, H đưa Th đến khu vực cổng Bệnh viện C Thái Nguyên thì bảo anh S dừng xe. H để túi của anh Th trên xe taxi của anh S rồi cả ba xuống xe, sang xe taxi khác đi về chỗ trợ đón H1, M, L. Sau khi nhóm của T bỏ đi, anh Th lấy túi kiểm tra, phát hiện mất toàn bộ số tiền 250 triệu đồng trong túi nên bảo anh S lái xe quay lại, đuổi theo nhóm của T nhưng không kịp. Ngay sau đó, anh Sỹ đưa Thường đến Công an phường CĐ, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên trình báo.

Đối với Vũ Văn Ch, sau khi biết Th vừa bị đưa về Ký túc xá, Ch đi xe máy một mình đến chỗ C, T nhưng không gặp. Ch gọi điện hỏi C thì C nói đang ở PC và đang bị Công an theo, không muốn gặp Ch, Ch quay về cổng nhà nghỉ Sao Đ ở gần cầu vượt NT thị xã PY đợi và nhắn tin cho Tr nhưng không thấy trả lời nên Ch đi về.

Đối với nhóm của T, C sau khi quay về chỗ trọ đón được H1, M, L thì cả bọn cùng nhau đi thuê một nhà nghỉ tại khu vực phường Gia Sàng, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên và tiêu xài bằng số tiền lấy được của Th. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T bảo H, M và L đếm số tiền trong túi sách của M thì còn lại 225.500.000đ. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày T thuê xe taxi rủ M, C và H về nhà T ở Đội 1, thôn LĐ, xã VL, huyện V B, thành phố Hải Phòng chơi. Tại nhà T, T lấy 150.000.000đ đưa cho bố đẻ là ông Trần Tăng Đ cất giữ hộ, T đưa C, H đến tiệm vàng bạc Nguyễn T, địa chỉ 248 đường ĐT, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng mua 02 nhẫn vàng 03 dây chuyền bạc với giá 12.500.000đ từ số tiền cướp được. T đưa cho C 01 chiếc nhẫn vàng và 01 dây chuyền bạc; đưa cho H 01 dây chuyền bạc. T đeo 01 nhẫn vàng và 01 dây chuyền bạc trên người. Khoảng 22 giờ cùng ngày, T về nhà C và cho mẹ C là bà Nguyễn Thị M số tiền 18.000.000đ từ số tiền cướp được và tiếp tục cùng nhau đi chơi. Sáng ngày 26/5/2017, T về nhà sau đó đưa M đi ra hiệu vàng bạc Nguyễn T mua thêm 01 dây chuyền vàng với giá 3.200.000đ từ số tiền cướp được tặng cho M. Tối ngày 26/5/2017, giữa T và C xảy ra mâu thuẫn về ăn chia số tiền cướp được, T đã đưa cho C 01 dây chuyền bạc, 01 dây chuyền vàng (là dây chuyền do T lấy lại của M) và 01 chiếc nhẫn vàng T đã mua và 25.000.000đ tiền mặt. Sáng ngày 27/5/2017, T bảo ông Đ đưa lại 20.000.000đ, sau đó M, T và ông Đ cùng đi lên nhà M ở xóm T 3, xã ĐT, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên để ăn giỗ, còn C, H1, H, L tự đi xe về Thái Nguyên. Thu giữ vật chứng vụ án gồm: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 146.900.000đ; cùng dây chuyền bạc, dây chuyền vàng và nhẫn 10k, điện thoại của T, C, H, Chi, Tr, dao, túi sách.

Bản cáo trạng số 20/CT-VKS (P2), ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo: Hồ Đại P, Trần Tăng T, Phạm Văn C, Vũ Khánh Tr, Vũ Văn Ch, Nguyễn Hữu H, Hà Lý H1 về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã mô tả.

Phản luận tội tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá tính chất vụ án, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử Tuyên bố các bị cáo: Hồ Đại P, Trần Tăng T, Phạm Văn C, Vũ Khánh Tr, Vũ Văn Ch, Nguyễn Hữu H, Hà Lý H1 phạm tội “Cướp tài sản”; Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo P và T; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Tu;

khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo P), xử phạt: Hồ Đại P từ 15 năm tù đến 16 năm tù; Trần Tăng T từ 15 năm tù đến 16 năm tù; Phạm Văn C từ 14 năm tù đến 15 năm tù; Vũ Khánh Tr từ 13 năm tù đến 14 năm tù; Vũ Văn Ch từ 13 năm tù đến 14 năm tù; Hà Lý H1 từ 14 năm tù đến 15 năm tù; Nguyễn Hữu H từ 14 năm tù đến 15 năm tù; Về trách nhiệm dân sự: Hoàn trả cho anh Lương Văn Th số tiền thu giữ của các bị cáo 146.900.000đ cùng các tài sản dây chuyền bạc, vàng, nhẫn vàng tổng trị giá 13.377.000đ. Trong quá trình xét xử gia đình hai bị cáo P và T đã nộp mỗi bị cáo 20.000.000đ, số tiền còn lại là 49.723.000đ cần buộc các bị cáo phải bồi thường cho anh Th; Tạm giữ số tiền và vàng, dây bạc thu giữ của các bị cáo để hoàn trả cho anh Th; Tạm giữ để thi hành án của Nguyễn Hữu H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobile LV218, màu xanh, đã qua sử dụng, có số IMEI 842180000121998, bên trong có 01 sim có dãy số ở mặt sau là 8984 04800 8810385671 và 01 sim có dãy số ở mặt sau là 8984 0480 0881 8943 141, được để trong phong bì niêm phong, ký hiệu H1; của Phạm Văn C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Gionee, vỏ màu sơn trắng, có số IMEI: 864141022047143, đã qua sử dụng, để trong phong bì niêm phong ký hiệu DT; của Vũ Văn Ch 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen, có số IMEI: 3528/5/517272/5, máy gắn 01 sim Viettel, số thuê bao 01666219845, để trong phong bì niêm phong ký hiệu A; của Trần Tăng T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 868573924452978; số IMEI 2: 868573024452960, bên trong gắn 02 sim, để trong phong bì niêm phong ký hiệu ĐT; của Vũ Khánh Tr 01 bì niêm phong ký hiệu H, bên trong đựng 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, số IMEI 1: 355170/06/88557814, số IMEI 2: 355170/06/88557912, gắn 01 sim có số seri 8984048851002659363 và 01 sim có số seri 89840200010549588069, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen trắng, số IMEI: 353591/04/210480/3, gắn 01 sim có số seri 8984040667001615812. Tịch thu tiêu hủy: 01 túi xách bằng da màu đen, đã qua sử dụng, kích thước 17 x 18cm có 02 ngăn túi, trong đó có 01 ngăn có miệng khóa, phần lưng túi có móc dây đeo bằng da dài 1,20m, rộng 1,5cm, vải lót bên trong ngăn túi có vết rách dài 05cm; 01 túi da màu nâu, nhãn hiệu jeep, có dây đeo dài 1,4m, rộng 4cm màu nâu; 01 con dao dài khoảng 01m, phần chuôi cán dài khoảng 60cm, phần lưỡi dao dài khoảng 40cm; 01 con dao dài khoảng 01m, phần chuôi dao quấn băng dính màu đen dài khoảng 20cm, lưỡi dao sắc nhọn dài khoảng 80cm; 03 con dao quắm đều dài khoảng 70cm, có chuôi quấn băng dính màu đen dài khoảng 35cm, lưỡi dao dài khoảng 35cm, đầu lưỡi dao cong, nhọn sắc một bên; 01 gậy bằng kim loại dài khoảng 60cm, một đầu được quấn băng dính màu đen dài khoảng 20cm. Trả cho anh Lương Văn Thường: 01 túi xách bằng da màu nâu, kích thước 25 x 20 x 8cm, quai đeo bằng

da, màu nâu gồm 02 đoạn (một đoạn dài 104cm, 01 đoạn dài 48cm), túi có ba ngăn; buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận gì.

Các luật sư bào chữa cho các bị cáo:

Luật sư L bào chữa cho bị cáo Hồ Đại P: Cơ bản đồng ý với kết luận điều tra, cáo trạng truy tố và bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên xác định về vai trò của bị cáo P trong vụ án. Tại phiên tòa bị cáo P chuyển biến nhận thức và đã trả lời đầy đủ các câu hỏi của hội đồng xét xử và của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ của bị cáo P như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xem xét thêm cho bị cáo P quá trình điều tra, truy tố bị cáo P chưa thành khẩn, tại phiên tòa P đã chuyển biến nhận thức rõ hành vi thành khẩn ăn năn hối cải, bị cáo khắc phục hậu quả; các tình tiết khác đó là đầu thú, bố bị cáo là bệnh binh, có công với Tổ quốc được nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị.

Luật sư Q bào chữa cho bị cáo Trần Tăng T: Nhất trí về tội danh, điểm, điều khoản áp dụng, song mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị quá cao. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét T lên Thái Nguyên làm ăn bị rủ rê phạm tội. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tại cơ quan điều tra T cùng gia đình đã nộp lại số tiền 146.900.000đ cùng số dây chuyền bạc và vàng tổng là 160.277.000đ, đến nay gia đình bị cáo và gia đình bị cáo P đã nộp 40.000.000đ nữa, số thiệt hại không lớn. T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm p,b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đề nghị Hội đồng xét xử lưu tâm giảm nhẹ cho bị cáo T tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo sớm trở về với gia đình, xã hội.

Luật sư T bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C: Nhất trí về tội danh, điểm, điều khoản áp dụng đối với bị cáo. Quá trình khám xét cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà bị cáo C và các bị cáo khác tiền và một số tài sản. Bị cáo Cường khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trong vụ án bị cáo T và C là người trực tiếp thực hiện tội phạm, tuy nhiên các bị cáo không biết nhau, đồng phạm giản đơn. Bị cáo C thành khẩn khai báo, bố chết sớm, vợ chồng bị cáo đã ly hôn, hiện nay bị cáo còn hai con nhỏ ở với bà nội. Bị cáo khắc phục toàn bộ số tài sản được chia là vàng và dây bạc, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhân thân bị cáo có tiền án nhưng đã được xóa án tích. Đề nghị Hội đồng xét xử đánh giá tính chất vụ án, quyết định hình phạt đối với C thấu tình đạt lý.

Luật sư A bào chữa cho bị cáo Vũ Khánh Tr: Nhất trí về tội danh, điểm, điều khoản áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị quá cao với lý do trong vụ án này đồng phạm giản đơn, nổi lên hai nhóm chủ mưu và nhóm giúp sức, một số bị cáo được hưởng lợi, một số không được hưởng lợi. Tr không dùng bạo lực, không dùng vũ khí, không được ăn chia, Tr chỉ là kẻ chỉ điểm cho các bị cáo khác thực hiện hành vi. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc cho Tr được hưởng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo Tr khai báo thành khẩn, gia đình khó khăn, đề nghị xét xử Tr dưới 12 năm. Các vấn đề khác mà Viện kiểm sát đề nghị Luật sư không có ý kiến gì.

Luật sư H bào chữa cho bị cáo Vũ Văn Ch: Đây là vụ án có đồng phạm, Ch là người tham gia như cáo trạng và luận tội đã quy kết là có căn cứ, Ch tham gia vai trò giúp sức, bị cáo không có tiền án, tiền sự, không được ăn chia, Ch bị khuyết tật từ nhỏ, Ch là người đi theo, bị cáo ân hận với việc mình đã làm. Đề nghị Hội đồng xét xử xét giảm cho bị cáo mức án dưới khung hình phạt.

Luật sư Minh bào chữa cho bị cáo Hà Lý H1: Nhất trí với tội danh, điểm, điều khoản áp dụng của Viện kiểm sát. Tuy nhiên mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc vì bị cáo chỉ là người giúp sức không có lời nói đe dọa, vai trò thấp, bị cáo thành khẩn khai báo, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo dưới mức của khung hình phạt.

Luật sư K bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu H: Nhất trí với tội danh, điểm, điều khoản áp dụng, về các thủ tục tố tụng luật sư không có ý kiến gì. Tuy nhiên đề nghị xem xét cho bị cáo trong vụ án bị cáo giữ vai trò thứ yếu, đồng phạm giản đơn, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cá thể hóa hình phạt, xử phạt bị cáo dưới khởi điểm của khung hình phạt là từ 11 năm đến 12 năm.

Viện kiểm sát đối đáp: Tất cả các luật sư đều đồng tình quan điểm của Viện kiểm sát về việc truy tố các bị cáo về tội danh, điểm, điều khoản áp dụng. Tuy nhiên về mức hình phạt các luật sư không nhất trí, về vấn đề này thấy rằng khi quyết định hình phạt phải căn cứ vào vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để Viện kiểm sát đề nghị.

Đối với ý kiến của luật sư L: Trong vụ án này bị cáo P giữ vai trò chủ mưu, Viện kiểm sát đã cân nhắc xem xét.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo T: Bị cáo T có 01 tiền án chưa được xóa án, phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, bị cáo T là người thực hiện hành vi quyết liệt, sử dụng số tiền chiếm đoạt được nhiều nhất.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo C: Viện kiểm sát đã áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên số tiền thu được tại nhà bị cáo là tiền mẹ bị cáo được T cho là tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của anh Th, không phải là tiền khắc phục hậu quả nên không thể áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ý kiến của luật sư A, H, K, M: Về việc áp dụng cho bị cáo hưởng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 nay là Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, về vấn đề này Điều luật quy định phải đủ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì mới áp dụng được. Bị cáo Tr chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo nhất trí với luận cứ của các luật sư không bổ sung gì thêm. Lời nói sau cùng bị cáo đều xin lỗi người bị hại và ân hận với việc mình làm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay các bị cáo Hồ Đại P, Trần Tăng T, Phạm Văn C, Vũ Khánh Tr, Vũ Văn Ch, Nguyễn Hữu H, Hà Lý H1 thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với các bị cáo là đúng không oan. Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo là khách quan phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng, vật chứng thu giữ, phù hợp với những tài liệu chứng cứ khác. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Ngày 25/5/2017 do bức xúc với T từ trên Cao Bằng sau khi về Thái Nguyên P gặp Tr đã nhờ Tri tìm T và Th để răn mặt lấy tiền, Tr đã liên lạc với Ch nhờ Ch, Ch nói sẽ thực hiện một mình, nhưng do T đã biết mặt Tr và Ch nên Chiến gọi điện cho C và T, C và T nhận lời. Sau khi gặp P để nghe ý kiến từ Ph, Tr đã nhắn cho T hỏi T đang ở đâu, T nói đang ở quán The Voice, Tr đến quán The voice trước gặp Th, khi đang nói chuyện với Th ở ngoài bàn lễ tân thì Ch đèo C đến quán còn T và P đi taxi đến quán The Voice, sau khi chỉ mặt anh Th cho T xong thì P

quay về phòng trọ của Tr, lúc này T và C dùng thanh kiếm không chế buộc anh Th lên xe ô tô taxi và đưa anh Th đến trường cao đẳng Công nghệ và kinh tế Công nghiệp ở Sông Công nơi bọn T đang thuê để ở, khi đến sân trường T gọi điện thoại cho H1 mang hung khí xuống để không chế anh Th lên tầng 3, H1 đã bảo H cùng H1 cầm dao xuống sân, sau đó T cùng C và H1, H uy hiếp anh Th buộc anh Th phải lên tầng 3, Trần Tăng T, Phạm Văn C, Nguyễn Hữu H, Hà Lý H1 đã thực hiện hành vi dùng vũ lực đe dọa khiến anh Th tê liệt ý chí rồi chiếm đoạt số tiền 250.000.000đ của anh Th. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên các bị cáo đã cùng nhau ăn tiêu hết số tiền 89.723.000đ. Tổng số tiền và giá trị tài sản còn lại đã thu giữ được là 160.277.000đ.

Với hành vi trên bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Hồ Đại P, Trần Tăng T, Phạm Văn C, Vũ Khánh Tr, Vũ Văn Ch, Nguyễn Hữu H, Hà Lý H1 về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định.

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

2..3. Phạm tội một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm.

a...b. Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng”.

[3] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo phải xét xử nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự để cải tạo giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

[4] Xét vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong vụ án này bị cáo Hồ Đại P là người chủ mưu. Trần Tăng T, Phạm Văn C, Vũ Khánh Tr, Vũ Văn Ch, Nguyễn Hữu H, Hà Lý H1 là người thực hành nhưng T và C là người thực hiện hành vi tích cực nhất. Tuy nhiên trong vụ án các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, đồng phạm giản đơn. Quá trình điều tra các bị cáo T, C, Tr, Ch, H, H1 đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo P chưa thật sự thành khẩn, nhưng tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều thành khẩn năn năn, hối cải khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo T có tiền án chưa được xóa án tích bị cáo phải chịu tình tiết

tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, các bị cáo P, C, Tr, Ch, H, H1 đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình bị giam giữ bị cáo P đã tác động về gia đình đã khắc phục một phần hậu quả, gia đình bị cáo T nộp khắc phục một phần hậu quả, bị cáo P ra đầu thú và bố bị cáo P là bệnh binh, có công với tổ quốc được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, Huy chương kháng chiến Hạng nhì, bị cáo Ch là người tàn tật được hưởng trợ cấp, bị cáo P và T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo P và Ch được hưởng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo T, C nhân thân đã có tiền án tiền sự, H nhân thân bị xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau. Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét phân hóa vai trò đồng phạm và nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo, để cải tạo giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

[5]Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay người bị hại đề nghị buộc các bị cáo bồi thường khoản tiền các bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là 250.000.000đ. Đề nghị của người bị hại là có căn cứ, cần buộc các bị cáo bồi thường. Tuy nhiên quá trình điều tra đã thu giữ được tiền và tài sản tổng cộng là 160.277.000đ nay còn lại số tiền 89.723.000đ, cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho người bị hại như sau:

Bị cáo P phải bồi thường 20.000.000đ đã bồi thường xong; Bị cáo T phải bồi thường 30.000.000đ được trừ đi 20.000.000đ, nay còn phải bồi thường 10.000.000đ; Bị cáo C bồi thường 20.000.000đ; bị cáo H bồi thường 7.000.000đ; bị cáo Chi, Tr, H1 mỗi bị cáo phải bồi thường 4.241.000đ

[6]Vật chứng vụ án:

Số tiền 146.900.000đ và tài sản dây chuyền bạc và vàng, nhẫn vàng theo định giá 13.377.000đ, tổng số tiền là 160.277.000đ thu giữ của các bị cáo cần hoàn trả lại cho anh Th.

Số tiền bị cáo P và T đã khắc phục hậu quả nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên là 40.000.000đ cần trả lại cho anh Th.

Điện thoại thu giữ của bị cáo C, T, Tr dùng để liên lạc để cướp tài sản cần tịch thu sung quỹ nhà nước gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Gionee của Phạm Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của Trần Tăng T; 01 bi niêm phong ký hiệu H, bên trong đựng 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen trắng của Vũ Khánh Tr.

Còn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobile LV218, màu xanh, đã qua sử dụng của Nguyễn Hữu H không liên quan đến việc cướp tài sản cần tạm giữ để thi hành án.

Tiêu hủy số vật chứng gồm 01 túi xách bằng da màu đen, đã qua sử dụng, kích thước 17 x 18cm có 02 ngăn túi, trong đó có 01 ngăn có miệng khóa, phần lưng túi có móc dây đeo bằng da dài 1,20m, rộng 1,5cm; 01 túi da màu nâu, nhãn hiệu jeep, có dây đeo dài 1,4m, rộng 4cm màu nâu; 01 con dao dài khoảng 01m, phần chuôi cán dài khoảng 60cm, phần lưỡi dao dài khoảng 40cm; 01 con dao dài khoảng 01m, phần chuôi dao quấn bằng dính màu đen dài khoảng 20cm, lưỡi dao sắc nhọn dài khoảng 80cm; 03 con dao quắm đều dài khoảng 70cm, có chuôi quấn bằng dính màu đen dài khoảng 35cm, lưỡi dao dài khoảng 35cm, đầu lưỡi dao cong, nhọn sắc một bên; 01 gậy bằng kim loại dài khoảng 60cm, một đầu được quấn bằng dính màu đen dài khoảng 20cm. Trả cho anh Lương Văn Thường: 01 túi xách bằng da màu nâu, kích thước 25 x 20 x 8cm, quai đeo bằng da, màu nâu gồm 02 đoạn (một đoạn dài 104cm, 01 đoạn dài 48cm), túi có ba ngăn.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Liên quan trong vụ án này có ông Trần Tăng Đ là bố đẻ bị cáo Trần Tăng T và bà Nguyễn Thị M là mẹ bị cáo Phạm Văn C được bị cáo T cho tiền; Đào Thị Khánh L là vợ của Hà Lý H1; Dương Thị M là bạn gái của Trần Tăng T là người đếm tiền giúp T tại nhà nghỉ; Nguyễn Thị H là bạn gái của bị cáo C được C cho 01 dây chuyền vàng nhưng những người này đều không biết nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với hành vi Trần Tăng T có hành vi dùng chuôi thanh kiếm đánh vào trán anh Lương Văn Th gây thương tích nhẹ, đầu nhọn của kiếm chọc lên trần xe ô tô taxi, làm thủng trần xe, gây thiệt hại nhưng không đáng kể. Anh Dương Văn S không yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với xe ô tô; Lương Văn Th không yêu cầu bồi thường thương tích nên cơ quan điều tra không xử lý.

Về hành vi sử dụng ma túy trong nhà nghỉ của P, T và T tại thành phố CB, quá trình điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ do các đối tượng không xác định được tên và địa chỉ của nhà nghỉ này nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

Đối với người theo T khai tên thường gọi là B đã có hành vi mua ma túy đá cho P, T, T sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Thái Nguyên đã gửi văn bản cung cấp thông tin để Công an thành phố CB, tỉnh Cao Bằng tiến hành xác minh làm rõ xử lý theo thẩm quyền.

[8] Như phân tích trên Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Viện kiểm sát có phần nghiêm khắc. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của các luật sư. Vì các lẽ trên Hội đồng xét xử sơ thẩm Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên bố: Các bị cáo Hồ Đại P, Trần Tăng T, Phạm Văn C, Vũ Khánh Tr, Vũ Văn Ch, Nguyễn Hữu H, Hà Lý H1 phạm tội “Cướp tài sản”.

1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo P và T; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo P và Ch; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T) ; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Hồ Đại P 13 (mười ba) năm tù thời hạn tù tính từ ngày 24/02/2018
- Trần Tăng T 13(mười ba) năm tù thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2017
- Phạm Văn C 12 năm 6 tháng (mười hai năm sáu tháng) tù thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2017
- Vũ Khánh T 12 năm 6 tháng (mười hai năm sáu tháng) tù thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2017
- Vũ Văn Ch 12 năm (mười hai) năm tù thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2017
- Nguyễn Hữu H 12 năm (mười hai) năm tù thời hạn tù tính từ ngày 15/02/2018.

- Hà Lý H1 12 năm (mười hai) năm tù thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2018

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tạm giam mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 587; Điều 589; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Bị cáo P phải bồi thường 20.000.000đ đã bồi thường xong; Bị cáo T phải bồi thường 30.000.000đ được trừ đi 20.000.000đ nay còn phải bồi thường 10.000.000đ; Bị cáo C phải bồi thường 20.000.000đ; bị cáo H phải bồi thường 7.000.000đ; bị cáo Ch, Tr, H mỗi bị cáo phải bồi thường 4.241.000đ

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu các bị cáo không bồi thường khoản tiền nêu trên thì bị cáo còn phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hoàn trả cho anh Th: Số tiền 146.900.000đ; 01 dây chuyền bạc trong bì niêm phong ký hiệu H3; 01 dây chuyền vàng trong bì niêm phong ký hiệu A1; 01 dây chuyền bạc dài 59cm gồm 01 móc chốt và 63 mắt nối; 01 dây chuyền bạc dài 55 cm gồm 01 móc chốt và 39 mắt nối; 02 nhẫn vàng gắn mặt đá màu đỏ trong bì niêm phong ký hiệu V1(dây chuyền bạc và vàng, nhẫn vàng theo định giá tài sản là 13.377.000đ).

Tịch thu tiêu hủy: 01 túi xách bằng da màu nâu, kích thước 25 x 20 x 8cm, quai đeo bằng da, màu nâu gồm 02 đoạn (một đoạn dài 104cm; 01 đoạn dài 48cm), túi có ba ngăn. Đây là túi đựng tiền của anh Th khi bị cướp; 01 túi xách bằng da màu đen, đã qua sử dụng, kích thước 17 x 18cm có 02 ngăn túi, trong đó có 01 ngăn có miệng khóa, phần lưng túi có móc dây treo bằng da dài 1,20m, rộng 1,5cm. Vải lót bên trong ngăn túi có vết rách dài 05cm. Đây là túi của Dương Thị M, bị cáo T dùng để cất số tiền cướp được; 01 túi da màu nâu, nhãn hiệu jeep, có dây đeo dài 1,4m, rộng 4cm màu nâu; 01 con dao dài khoảng 01m, phần chuôi cán dài khoảng 60cm, phần lưỡi dao dài khoảng 40cm; 01 con dao dài khoảng 01m, phần chuôi dao quấn băng dính màu đen dài khoảng 20cm, lưỡi dao sắc nhọn dài khoảng 80cm; 03 con dao quắm đều dài khoảng 70cm, có chuôi quấn băng dính màu đen dài khoảng 35cm, lưỡi dao dài khoảng 35cm, đầu lưỡi dao cong, nhọn sắc một bên; 01 gậy bằng kim loại dài khoảng 60cm, một đầu được quấn băng dính màu đen dài khoảng 20cm.

Tịch thu sung quỹ nhà nước:

01 phong bì niêm phong ký hiệu DT bên ngoài ghi có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Gionee, vỏ màu sơn trắng, có số IMEI: 864141022047143 của Phạm Văn C.

01 bì niêm phong ký hiệu A bên ngoài ghi có 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, có số IMEI 352858/05/517272/5 bên trong có gắn 01 thẻ sim Viettel mang số thuê bao 01666 219854 của Vũ Văn Ch ngày 02/6/2017.

01 bì niêm phong ký hiệu ĐT bên ngoài ghi có 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen đã qua sử dụng, có số IMEI 1: 868573024452978; số IMEI 2: 868573024452960, bên trong gắn 02 sim của Trần Tăng T, ngày 27/5/2017.

- 01 bì niêm phong ký hiệu H, bên ngoài có ghi đựng 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, số IMEI 1: 355170/06/88557814, số IMEI 2: 355170/06/88557912, gắn 01 sim có số seri 8984048851002659363 và 01 sim có số seri 89840200010549588069, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen trắng, số IMEI: 353591/04/210480/3, gắn 01 sim có số seri 8984040667001615812 của Vũ Khánh Tr.

Tạm giữ để thi hành án:

01 phong bì niêm phong ký hiệu H1 bên ngoài ghi có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobile LV218, màu xanh do Nguyễn Hữu Hiệp giao nộp.

Ghi nhận bị cáo Hồ Đại P đã nộp 20.000.000đ biên lai số 0000981 ngày 17/9/2018 và Trần Tăng T đã nộp 20.000.000đ biên lai số 0000991 ngày 17/10/2018 để khắc phục bồi thường cho anh Lương Văn Th.

(Hiện nay tiền và vật chứng có tại kho của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên và kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 31/5/2018 và ủy nhiệm chi số 86 ngày 05/6/2018; biên bản giao nhận tài sản giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thái Nguyên và kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên ngày 0/7/2017).

* Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí . Các bị cáo Hồ Đại P, Trần Tăng T, Phạm Văn C, Vũ Khánh Tr, Vũ Văn Ch, Nguyễn Hữu H, Hà Lý H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo T phải chịu 500.000đ; bị cáo C phải chịu 1.000.000đ; bị cáo H phải chịu 350.000đ; bị cáo Tr, Ch, H1 mỗi bị cáo phải chịu 300.000đ án phí dân sự sung quỹ Nhà nước.

Điều 26 Luật thi hành án Dân Sự quy định: “Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Điều, vắng mặt bà An, bà Mỹ, chị Hoa báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận

- TANDTC; TANDCC; SởTP;
- VKSNDCC; VKS tỉnhTN;
- CA tỉnh TN; TrạiTG;
- Cục THADS tỉnhTN;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Phương

